

Bản án số: 341/2024/DS-PT
Ngày: 27/6/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyên;

Ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Bà Lê Thị Lý, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 439/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6370/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Liang Wan F (Lương Vạn P); địa chỉ: Số F, tổ N, nông trường H, huyện L, tỉnh Quảng Tây, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Thanh T – Trưởng Văn phòng L1;
địa chỉ: Số E phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2022); (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Văn V; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; (Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phan Văn B – Văn phòng Luật sư Phan Văn B và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố H; (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là

ông Liang Wan F (do người đại diện) trình bày:

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên ông Liang Wan F (Lương Vạn P) và ông Đỗ Văn V không trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán tôm hùm mà thỏa thuận qua điện thoại, mạng xã hội để thống nhất nội dung mua bán hàng hóa là tôm hùm thành phẩm; giá trị lô hàng là 1.000.000 CNY (nhân dân tệ) tương đương với 3.390.000.000 đồng (tỷ giá quy đổi tại thời điểm thỏa thuận là 3.390 đồng/1 CNY); đặt cọc trước 300.000 CNY tương đương 1.017.000.000 đồng, số còn lại là 700.000 CNY, ông P sẽ thanh toán cho ông V khi ông V giao hàng tại M; ông P có trách nhiệm cử người đại diện tại thành phố M kiểm tra hàng và nhận hàng. Sau khi kiểm tra hàng và nhận hàng phải thanh toán hết số tiền còn lại cho bên bán, khi đó bên bán sẽ hoàn tất thủ tục xuất khẩu tiểu ngạch hàng sang Trung Quốc cho ông P; ông V có trách nhiệm chuẩn bị hàng, đóng gói, bảo quản và thuê phương tiện vận chuyển hàng đến khu vực cửa khẩu M; thời hạn thực hiện hợp đồng là 14 ngày kể từ ngày nhận tiền đặt cọc; xử lý vi phạm hợp đồng: Trong thời hạn 14 ngày, ông V không có hàng giao cho ông P tại khu vực cửa khẩu M thì ông V sẽ hoàn trả lại cho ông P 300.000 CNY và chịu phạt hợp đồng 10.000 CNY.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Ông P đã chuyển 300.000 CNY tiền cọc cho ông V vào tài khoản tại Ngân hàng T4 do ông V cung cấp cho ông P vào ngày 23/8/2021. Sau khi nhận được tiền đặt cọc, ông V viết giấy đề ngày 23/8/2021, thể hiện nội dung: Tôi Đỗ Văn V có nhận của anh Lương Vạn P 30.000.000 vạn tiền cọc lấy hàng 14 ngày không có hàng tôi phải trả lại 30.000.000 vạn và chịu phạt 1 vạn (ký chữ V, Đỗ Văn V). Ngày 20/9/2021, ông V thông báo cho ông P biết hàng đã đến cảng T thành phố M và yêu cầu ông P thanh toán hết số tiền hàng còn lại là 700.000 CNY. Ông P cử người đại diện là ông Vũ Văn H tiến hành kiểm tra hàng hóa nhưng không có hàng hóa như ông V đã thông báo. Ông P và ông V đã trao đổi với nhau nhiều ngày qua ứng dụng “WeChat” về việc ông P yêu cầu ông V cho người của ông P kiểm tra hàng hóa; ông V yêu cầu ông P chuyển hết tiền hàng rồi mới chuyển hàng qua nhưng đã quá thời hạn thực hiện hợp đồng. Ông P nhiều lần yêu cầu ông V trả lại tiền đặt cọc và 10.000 CNY tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng nhưng ông V không thực hiện, đưa ra lý do: Trong sự việc này ông V không có lỗi vì hàng đến thành phố M rồi nhưng ông P không thanh toán nốt 700.000 CNY còn lại nên ông V không chuyển hàng. Ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đỗ Văn V trả lại ông Lương Vạn P 300.000 CNY tiền đặt cọc và 10.000 CNY tiền bồi thường theo hợp đồng (quy đổi ra Việt Nam Đồng tại thời điểm khởi kiện là 1.017.000.000 đồng và 33.900.000 đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn ông Liang Wan F (Lương Vạn P) thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng mua bán hàng hóa giữa ông P và ông V vô hiệu do vi phạm điều cấm và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Bị đơn là ông Đỗ Văn V trình bày:

Tháng 8/2021, ông V và ông P thỏa thuận: Ông P mua tôm hùm của ông V số lượng khoảng trên 10 tấn với giá 480.000 đồng/kg. Sau khi ông V trao đổi với ông P1 ở Nha Trang có nguồn tôm hùm theo yêu cầu đặt mua của ông P, ông V báo lại. Ngày 23/8/2021, ông P chuyển trước cho ông V tiền đặt cọc là 300.000 CNY bằng cách chuyển qua tài khoản của người chuyên làm nghề đổi tiền có tài khoản Trung Quốc ở chợ đổi tiền thuộc thành phố M rồi điện thoại cho ông V đến gặp người này lấy 1.017.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền đặt cọc, ông V viết giấy nhận tiền đặt cọc 300.000 CNY và cam kết thực hiện việc giao tôm hùm cho ông P trong thời gian 14 ngày kể từ ngày đặt cọc. Sau đó, ông V thỏa thuận với ông P1 ở Nha Trang đặt mua 09 tấn tôm hùm, rồi gửi tiền đặt cọc cho ông P1 100.000.000 đồng.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên đến ngày 18/9/2021, ông P1 cho ông Nguyễn T1 áp tải 09 tấn tôm hùm ra M để giao cho ông V. Trong 09 tấn có 06 tấn được chở trong 240 hộp xếp trên xe ô tô Biển kiểm soát 79C-175.03, còn 03 tấn gửi xe ô tô khác. Ngày 20/9/2021, xe ô tô Biển kiểm soát 79C-175.03 ra đến thành phố M. Do ông V không có đủ điều kiện làm thủ tục mua bán tôm hùm qua biên giới nên ông V nhờ ông Nguyễn Ngọc Đ, địa chỉ: A, thị xã K, Hải Dương làm thủ tục xuất sang Trung Quốc. Ông Đ đã quay video và chụp hình tôm hùm trên xe ô tô rồi dẫn xe đến trạm cân Tiền T2 tại Km3,5 thành phố M để cân xe hàng, trạm cân đã thực hiện cân xe hàng và giao phiếu cân hàng cho ông Đ.

Từ ngày 20 đến 23/9/2021, ông V và ông P nhiều lần trao đổi về tình hình chở tôm hùm qua biên giới và chuyển tiền. Ông P yêu cầu ông V quay video, chụp ảnh xe ô tô chở tôm hùm và hình ảnh tôm hùm trên xe ô tô, ông V đã thực hiện cho ông P xem. Sau khi thấy hàng, ông P yêu cầu ông V làm thủ tục chuyển hàng qua biên giới cho ông P, trong khi ông V yêu cầu ông P chuyển 80% tiền hàng để chuyển cho ông P1, để ông P1 đồng ý cho chuyển hàng sang Trung Quốc. Do ông P không chuyển tiền nên ông P1 không cho chuyển hàng qua biên giới. Xe ô tô chở hàng chờ đến 08 - 09 ngày không thấy ông P chuyển tiền nên ông P1 cho chở hàng về Nha Trang. Do tôm hùm để lâu không được cấp đông nên hàng bị hỏng chỉ còn bán được ½ với giá 120.000 đồng/kg, hiện nay giữa ông V và ông P1 đang giải quyết hậu quả của việc mua bán không thành nên ông V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Vạn P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 123, Điều 131, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Liang Wan F (Lương Vạn P).

Tuyên hợp đồng mua bán tôm hùm giữa ông Liang Wan F và ông Đỗ Văn V vô hiệu.

2. Buộc ông Đỗ Văn V phải hoàn trả cho ông Liang Wan F số tiền 989.400.000 đồng (*Chín trăm tám mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, lệ phí, án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2023, bị đơn là ông Đỗ Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Nguyên đơn là ông Liang Wan F (Lương Vạn P) đơn phương không chuyển đủ tiền cho ông V nên ông P vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông P không trực tiếp kiểm tra cũng không nhờ người kiểm tra. Ông P và ông V không có giao dịch ngoại hối tại Việt Nam nên không có căn cứ xác định là giao dịch ngoại hối vô hiệu, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Đỗ Văn V trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định ông P và ông V có thỏa thuận mua bán tôm hùm qua điện thoại. Số tiền ông P chuyển ông V (cọc 300.000 CNY, thông qua tài khoản thứ ba bên Trung Quốc do ông V chỉ định) chứng minh việc giao dịch bằng ngoại tệ. Sau khi nhận cọc, ông P cho rằng ông V không giao hàng theo thỏa thuận. Ông V cho rằng xe ô tô đã chuyển hàng từ Nha Trang đến M, nhưng do ông P không chuyển tiền nên xe không sang được Trung Quốc.

Do giao dịch là ngoại hối, không phải là thương nhân, cư dân biên giới, tôm hùm không phải là mặt hàng giao dịch cho dân vùng biên qua biên giới. Ông V cho rằng nhận cọc là VNĐ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Căn

cứ Điều 22 Pháp lệnh sửa đổi ngoại hối; điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm là đúng quy định pháp luật. Bị đơn là ông Đỗ Văn V kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới, không cung cấp tài liệu thể hiện thiệt hại số tôm hùm. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận và trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Kháng cáo của ông Đỗ Văn V đảm bảo đúng thời hạn và có nội dung ứng án phí theo quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Đỗ Văn V:

[2.1] Ông Liang Wan F (Lương Vạn P) và ông Đỗ Văn V thỏa thuận mua bán tôm hùm qua điện thoại, ông P đã chuyển 300.000 CNY cho ông V để đặt cọc mua tôm hùm. Số tiền cọc ông P chuyển cho ông V vào tài khoản của người thứ 3, là do ông V chỉ định. Theo Vi bằng, ông V cung cấp cho ông P số tài khoản 6228482826078293665 của Ngân hàng G; chi tiết giao dịch thẻ Ngân hàng G, Chi nhánh C, tên khách hàng chuyển tiền: 6228482821301151012 Liang Wan F; nội dung cuộc hội thoại giữa ông P và ông V đã được ông P ghi âm lại. Về nội dung chi tiết giao dịch thẻ Ngân hàng G, tên khách hàng 6228482821301151012 Liang Wan F có 01 lần chuyển số tiền 250.000 CNY; theo giấy viết tay đề ngày 23/8/2021 do Đỗ Văn V viết, thể hiện nội dung: Tôi Đỗ Văn V có nhận của anh Lương Vạn P 30 vạn tiền cọc lấy hàng 14 ngày, không có hàng tôi phải trả lại 30 vạn và chịu phạt 1 vạn (ký chữ V, Đỗ Văn V). Ông V cho rằng nhận tiền đặt cọc là VNĐ nhưng ông V không cung cấp được tài liệu chứng cứ, không cung cấp được tên và địa chỉ của người đã giao tiền cho ông nên không có căn cứ nào để chứng minh ông V nhận tiền của ông P là tiền Việt Nam. Như vậy, đủ căn cứ để khẳng định ông V nhận của ông P số tiền 300.000 CNY tiền cọc qua giao dịch chuyển khoản bằng tiền ngoại tệ (CNY).

[2.2] Giao dịch mua bán tôm hùm giữa ông P và ông V được thỏa thuận bằng CNY (ngoại hối), trong khi ông P và ông V đều không phải là thương nhân và không phải là cư dân biên giới; hàng hóa các bên thỏa thuận mua bán là tôm hùm, không phải là danh mục hàng hóa mua bán trao đổi qua biên giới cho cư dân vùng biên. Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh sửa đổi một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối năm 2013, thì giao dịch giữa ông P và ông V thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ thuộc trường hợp pháp luật không cho phép nên căn cứ Điều 16, khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng mua bán tôm hùm giữa ông P và ông V vô hiệu.

[2.3] Sau khi nhận tiền cọc: Ông P cho rằng ông V không thực hiện việc giao hàng theo thỏa thuận; ông V cho rằng ngày 20/9/2021, xe ô tô Biển kiểm soát 79C-175.03 đã chở hàng tôm hùm từ Nha Trang ra đến thành phố M nhưng do ông P không chuyển thêm số tiền hàng còn lại theo thỏa thuận nên ông V không thực hiện được việc chuyển hàng sang Trung Quốc.

[2.3.1] Ông Nguyễn Ngọc Đ (là người ông V nhờ vận chuyển hàng) xác nhận có nhận một xe hàng tôm hùm cấp đông mang Biển kiểm soát 79C-175.03 đến trạm cân Tiền T2 tại Km3,5, thành phố M Quảng Ninh để làm thủ tục xuất đi Trung Quốc nhưng do bên Trung Quốc chưa chuyển đủ tiền nên lô hàng tôm hùm không được xuất đi nữa. Ông Vũ Văn H (là người được ông Liang Wan F nhờ kiểm tra hàng tôm hùm cấp đông) khai: Khi ông H trực tiếp xuống Cảng T để kiểm tra hàng hóa thì ông không thấy phương tiện mang Biển kiểm soát 79C-175.03 tại khu vực này.

[2.3.2] Qua tra cứu danh sách các phương tiện ô tô đăng ký xuất khẩu hàng hóa tại Cảng ICD T (Lối mở Km3+4 H) do Đoàn Biên phòng B1 cung cấp, không có phương tiện Biển kiểm soát 79C-175.03 đăng ký xuất khẩu vào các ngày 20, 21 và 22/9/2021. Công ty TNHH TM&DV Tiền T2 làm dịch vụ cân xe điện tử, thường chỉ lưu thông tin lượng xe ra vào ở bộ nhớ của máy cân để làm căn cứ hàng ngày tính tiền thu nhập đầu vào của Công ty. Vì lượng xe quá nhiều nên khoảng 06 tháng/01 lần, dữ liệu sẽ đầy và tự động xóa, do đó hiện tại Công ty không còn lưu thông tin về xe ô tô Biển kiểm soát 79C-175.03 đến cân ngày 20/9/2021. Tuy nhiên, Công ty TNHH TM&DV Tiền T2 có xuất phiếu cân số 55033, ngày 20/9/2021 của phương tiện mang Biển kiểm soát 79C-175.03 vào lúc 2:51:25 PM.

[2.3.3] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập theo yêu cầu của các đương sự nêu trên, ngày 20/9/2021, xe ô tô tải Biển kiểm soát 79C-175.03 có xuất phiếu cân nhưng chưa đủ cơ sở để xác định ngày 21/9/2021 xe ô tô Biển kiểm soát 79C-175.03 chở hàng tôm hùm đến M như trình bày của ông V.

[2.4] Tại cấp sơ thẩm, ngày 08/12/2022 và ngày 28/3/2023, Tòa án yêu cầu ông V cung cấp các tài liệu chứng minh thiệt hại (BL 78, BL 81), ông V trình bày sẽ cung cấp cho Tòa án nhưng sau đó cũng không cung cấp. Tại cấp phúc thẩm, ông V thừa nhận không có tài liệu cung cấp về thiệt hại tôm hùm cũng như việc mua bán tôm hùm giữa ông V và ông P1 để chuyển cho ông P nên không có căn cứ để xem xét và xác định thiệt hại xảy ra như trình bày của ông V.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng mua bán hàng hóa giữa ông Lương Vạn P và ông Đỗ Văn V vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Căn cứ tại Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc ông V phải trả cho ông P số tiền 989.400.000 đồng, quy đổi theo tỷ giá CNY sang VNĐ tại thời điểm xét xử sơ thẩm (từ ngày 22/6/2023 đến ngày 28/6/2023), do Ngân hàng N công bố tại địa chỉ www.sbv.gov.vn đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Tuy nhiên, ông V không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh thiệt hại của ông như đã

nêu tại đoạn [2.4] nên không có căn cứ để xem xét, giải quyết đối với ý kiến trình bày của ông V về việc giao nhập hàng tôm đông lạnh cho ông P.

[2.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù có kháng cáo nhưng bị đơn là ông Đỗ Văn V không đưa ra tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông V. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có cơ sở để xem xét.

[3] Về án phí: Kháng cáo của ông Đỗ Văn V không được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: Ông Đỗ Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Đỗ Văn V nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh theo Biên lai thu tiền số 0016284 ngày 28 tháng 7 năm 2023. Xác nhận ông Đỗ Văn V đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P. HCTP. TANDCC Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thơm